

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ- PT
Ngày 17/4/2020
V/v Thay đổi người trực tiếp nuôi
con sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Hải Vinh

Ông Ong Thân Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Do bản án sơ thẩm số 143/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXX-PT ngày 10 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐ-PT ngày 20/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 15, phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Anh Ngô Văn Hùng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn H trình bày:

Năm 2017, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị P. Năm 2018, anh và chị P ly hôn. Tại bản án số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết cho anh và chị P ly hôn, về con chung giao cho chị P nuôi con là Nguyễn Hữu P, sinh năm 2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị P đã viết giấy giao con và tự nguyện giao con cho anh nuôi. Ngoài ra, chị P còn giao lại cho anh giấy khai sinh, sổ tiêm chủng của cháu P. Anh đã nuôi cháu P từ ngày 29/7/2018 đến nay. Trong thời gian anh nuôi cháu P, chị P có đến thăm con một đến hai lần vào năm 2019. Thời gian trước đó, chị P không thăm nom, hỏi thăm về tình hình sức khỏe của con. Mọi sinh hoạt và chi phí nuôi cháu P do một mình anh lo. Hiện anh đang công tác tại Công an tỉnh Bắc Giang, thu nhập 9.800.000đ/tháng. Anh đang ở cùng bố mẹ anh, một tháng anh chỉ phải trực một ngày, một năm được nghỉ 16 ngày phép. Anh chăm sóc cháu P từ lúc cháu chưa cai sữa, cuộc sống của cháu đang ổn định, phát triển bình thường, mọi người trong gia đình anh đều yêu thương cháu. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao cháu P trực tiếp cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Năm 2017, chị kết hôn với anh Ngô Văn H. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên chị và anh H đã ly hôn. Tại bản án số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết cho chị và anh H ly hôn, về con chung giao cho chị nuôi con là Nguyễn Hữu P, sinh năm 2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh H thường xuyên đến nhà chị gây sự, dùng những lời lẽ xúc phạm gây ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe của chị. Khoảng tháng 8/2018, anh H có đến nhà chị đón cháu P về chơi, sau đó chị đến nhà anh H đón cháu về, anh H cùng gia đình không đồng ý nên cháu P ở với anh H từ đó đến nay. Trong thời gian, cháu P ở với anh H, chị có mua quần áo, sữa cho cháu, mẹ đẻ chị có đón cháu P về chơi, bản thân chị trực tiếp xuống đón cháu P 03 đến 04 lần. Trước khi xuống đón con, chị đều gọi điện trước cho anh H và gia đình anh H, nhưng chị gọi điện rất nhiều lần gia đình anh H mới nghe điện thoại. Mỗi lần đón và thăm nom con, anh H và gia đình anh H đều gây khó khăn cho chị. Do anh H không tự nguyện giao con cho chị nuôi nên chị đã làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành bản án của Tòa án nhân dân huyện L nhưng đến nay chưa được giải quyết. Hiện chị đang làm việc tại Chi nhánh Viettel post ở Khu công nghiệp Đ, huyện V, thu nhập trung bình 8.000.000đ/tháng. Chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu P. Vì vậy, anh H yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, chị không đồng ý.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm số 143/2019/HNGĐ-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 3 Điều 81, Điều 82,

Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004163 ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, bản án còn quyết định quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 12/12/2020 anh Ngô Văn H kháng cáo bản án, cùng ngày anh H nộp tiền tạm ứng án phí. Anh H kháng cáo đề nghị hủy bỏ bản án sơ thẩm và thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sang cho anh. Lý do bản án sơ thẩm sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L không đảm bảo quyền lợi ích của anh và gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Ngô Văn H không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Ngô Văn H trình bày: Anh kháng cáo bản án sơ thẩm số 143 ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, về việc trực tiếp thay đổi người nuôi con. Với lý do: xem xét tình tiết Bản án ghi do anh không tự nguyện giao con cho chị P là không đúng, khi anh và chị P ly hôn vào tháng 5/2018 thì đến tháng 7/2018 chị P giao con cho anh và có biên bản giao con nhưng chị P cầm anh không có nộp cho Tòa. Ngoài ra, chị P đi làm xa nhà, công việc của chị thường xuyên thay đổi nơi làm việc, làm việc cả ngày, không có thời gian chăm con, không có người trợ giúp trông con. Trong thời gian chung sống với chị P, chị P nhiều lần dùng tay bóp cổ con có người chứng kiến. Anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để anh được nuôi cháu P vì anh có thu nhập, có thời gian chăm con và có bố mẹ, em gái hỗ trợ chăm con, cháu ở cùng anh từ lúc chưa cai sữa, cháu vẫn phát triển bình thường, sống ổn định từ đó đến nay, để tránh xáo trộn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Chị P có đón con về chơi nhưng không giữ con ở lại mà lại đem trả con cho anh nuôi, chị P không quan tâm đến con, bỏ mặc con.

Chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị không đồng ý kháng cáo và trình bày của anh H, anh H trình bày không đúng, anh H đón con về chơi khi chị đến đón con không cho chị đón, nên chị mới phải làm đơn ra cơ quan Thi hành án, Thi hành án giải thích anh cũng không giao con cho chị và làm đơn khởi kiện thay đổi nuôi con. Khi đón con về chơi được vài ngày chị phải đem con trả lại không thì gia đình anh H gây khó khăn cho chị. Hiện nay chị đang làm ở huyện V, thu nhập trên 8.000.000 đồng/tháng, chị ở cùng mẹ chị nếu nuôi con chị đảm bảo đầy đủ điều kiện cho con. Nguyên vọng của chị được nuôi con chung.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung: Anh Ngô Văn H và chị Nguyễn Thị P kết hôn năm 2017. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung tại Tòa án nhân dân huyện L. Theo bản án số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết cho chị P và anh H ly hôn. Về con chung giao cho chị P nuôi con là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 04/9/2017. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Sau khi bản án có hiệu lực, anh H có đến nhà chị đón cháu P về chơi, sau đó chị P đến nhà anh H đón con về, anh H cùng gia đình không đồng ý nên cháu P ở với anh H từ đó đến nay. Nay anh H yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu P từ chị P sang anh. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh H. Anh H kháng cáo. Xét kháng cáo của anh Ngô Văn H Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa anh H trình bày: Chị P không chăm con, sau khi ly hôn, tháng 7/2018 chị P tự nguyện giao con cho anh nuôi có lập văn bản, chị P là người giữ văn bản, chị P đón con về xong lại trả con không nuôi, khi con ở cùng chị P không chăm con mà còn bóp cổ con. Nhưng anh không có giấy tờ văn bản nộp cho Tòa để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ.

Chị P trình bày: Do anh H không tự nguyện giao cháu P cho chị P nuôi dưỡng, chị đã phải làm đơn gửi Chi cục thi hành án dân sự huyện L yêu cầu được thi hành án.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và trình bày của chị P, khi chị và anh H ly hôn cháu P vẫn ở cùng chị, anh H có đến đón con về chơi, sau đó chị đến đón con thì anh H không cho đón. Do vậy, chị phải làm đơn gửi cơ quan Thi hành án để thi hành bản án. Ngày 26/6/2019, Chi cục thi hành án dân sự huyện L đã ra Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 501/QĐ-CCTHADS yêu cầu anh H trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định phải

giao con cho chị P nuôi dưỡng (Bút lục 75). Nhưng từ đó đến nay, anh H không tự nguyện giao cháu P cho chị P nuôi. Như vậy, trình bày của anh H là không có căn cứ, trình bày của chị P là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu thể hiện trong hồ sơ.

Xét điều kiện nuôi con của anh H và chị P. Hội đồng xét xử thấy là như nhau. Anh H, chị P đều có việc làm, có thu nhập ổn định, ở cùng bố mẹ, có hỗ trợ của bố mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ngoài ra, cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 04/9/2017 khi xét xử sơ thẩm và phúc thẩm cháu P chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận nào khác phù hợp với lợi ích của con”. Anh H không chứng minh được chị P không có đủ điều kiện nuôi con, chị P và anh H không có thỏa thuận nào khác về việc giao con chung cho anh H nuôi. Khi ly hôn bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L giao con cho chị P nuôi, anh H đến đón con về chơi sau đó anh H không tự nguyện giao con chung cho chị và chị đã phải đề nghị thi hành án. Đến nay, anh H vẫn không tự nguyện giao con chứ không phải do chị P không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không có đủ điều kiện để nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con từ chị P sang anh H.

Nếu sau này chị P là người trực tiếp nuôi con chung không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh H có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Về án phí: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004163 ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004422 ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Chu Điện, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, THCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền